

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TIỀN GỬI TIẾT KIỆM/TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/GIẤY TỜ CÓ GIÁ

TT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Dimond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Dimond FA. Dimond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2, FA.PN3		
A	TIỀN GỬI TIẾT KIỆM/TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/GIẤY TỜ CÓ GIÁ							
1	Rút tiền gửi tiết kiệm (TGTK)/Tiền gửi có kỳ hạn (TGCKH)/Giấy tờ có giá (GTCG)					Thu từ DV ngân quỹ	B	
1.1	Cùng tỉnh/thành phố nơi phát hành TGTK/TGCKH/GTCG	Miễn phí						
1.2	Khác tỉnh/thành phố nơi phát hành TGTK/TGCKH/GTCG					Số tiền gốc		
	+ Rút tiền VND	0,02% Tối thiểu 10.000 VND Tối đa 500.000 VND	Miễn phí	Miễn phí	0,01% Tối thiểu 10.000 VND Tối đa 500.000 VND	0,01% Tối thiểu 10.000 VND Tối đa 500.000 VND	Số tiền rút	
	+ Rút tiền USD	0,15% Tối thiểu 2 USD	0,1% Tối thiểu 2 USD				Số tiền rút	
	+ Rút tiền ngoại tệ khác	0,4% Tối thiểu 3 USD	0,2% Tối thiểu 3 USD				Số tiền rút	

TT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Dimond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Dimond FA. Dimond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2, FA.PN3		
	+ KH là chủ sở hữu thực hiện rút và gửi lại TGTK/TGCKH/GTCG cho chính mình	Miễn phí				Số tiền gửi lại tại PVcomBank		
	+ KH rút tiền khi TGTK/TGCKH/GTCG đến hạn hoặc sau kỳ quay vòng đầu tiên	Miễn phí				Số tiền rút		
2	Dịch vụ phong tỏa TGTK/TGCKH/GTCG						Theo yêu cầu KH	C
2.1	Xác nhận và phong tỏa TGTK/TGCKH/GTCG theo yêu cầu Khách hàng	Thỏa thuận Tối thiểu 100.000 VND	Miễn phí				01 TGTK/TGCKH/ GTCG	
2.2	Xác nhận và phong tỏa TGTK/TGCKH/GTCG trong trường hợp Khách hàng vay tại Tổ chức tín dụng khác hoặc theo yêu cầu của bên thứ ba	Thỏa thuận Tối thiểu 150.000 VND	Miễn phí				01 TGTK/TGCKH/ GTCG	
2.3	Phong tỏa theo yêu cầu PVcomBank, pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Miễn phí						
3	Phí xác minh tài chính du học, du lịch	Thỏa thuận Tối thiểu 100.000 VND	Miễn phí	Thỏa thuận Tối thiểu 100.000 VND		01 lần	C	
4	Xác nhận số dư bằng văn bản						Theo yêu cầu KH	C

TT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Dimond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA. Dimond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2, FA.PN3		
4.1	Theo mẫu của PVcomBank							
	+ Bản đầu tiên	Thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND	Miễn phí				01 lần	
	+ Từ bản thứ hai trở đi	Thỏa thuận Tối thiểu 10.000 VND	Miễn phí				01 bản	
4.2	Theo mẫu Khách hàng yêu cầu							
	+ Bản đầu tiên	Thỏa thuận Tối thiểu 100.000 VND				01 lần		
	+ Từ bản thứ hai trở đi	Thỏa thuận Tối thiểu 20.000 VND				01 bản		
5	Phí chuyển giao quyền sở hữu TGTK/TGCKH/GTCG	Thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND	Thỏa thuận Tối thiểu 20.000 VND				01 TGTK/TGCKH/ GTCG	C
6	Phí xác nhận thông báo mất TTK/HĐTG/CCTG	Thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND	Miễn phí				01 TTK/HĐTG/ CCTG	C
7	Phí xác nhận ủy quyền TGTK/TGCKH/GTCG	Thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND	Miễn phí				01 TGTK/TGCKH/ GTCG	C
8	Phí cấp lại TTK/CCTG	Thỏa thuận Tối thiểu 50.000 VND	Thỏa thuận Tối thiểu 20.000 VND				01 TTK/GTCG	C
9	Phí kiểm đếm TGTK/TGCKH/GTCG						Thu từ DV ngân quỹ	B

TT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Dimond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Dimond FA. Dimond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2, FA.PN3		
9.1	Tất toán trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào TGTK/TGCKH/GTCG							
	+ Loại tiền VND	0,03% Tối thiểu 20.000 VND Tối đa 1.000.000 VND	Miễn phí	Miễn phí	0,02% Tối thiểu 10.000 VND Tối đa 1.000.000 VND	Số tiền rút		
	+ Loại tiền USD và ngoại tệ khác	0,20% Tối thiểu 2 USD				Số tiền rút		
9.2	Tất toán trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào TGTK/TGCKH/GTCG, sau đó gửi lại TGTK/TGCKH/GTCG khác.	Miễn phí					Số tiền gửi lại tại PVcomBank	
9.3	Trích tiền từ TKTT để mở TGTK/TGCKH/GTCG gửi tại PVcomBank trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền vào TKTT	Miễn phí					Số tiền gửi	
10	Phí chuyển chi nhánh quản lý TGTK/TGCKH/GTCG	Thỏa thuận					01 TGTK/TGCKH/ GTCG	C
11	Phí sao lục chứng từ							C
	Sao lục chứng từ ≤ 06 tháng	Thỏa thuận					01 chứng từ	
	Sao lục chứng từ > 06 tháng	Thỏa thuận Tối thiểu 40.000 VND					01 chứng từ	

TT	Danh mục các loại phí	Khách hàng thông thường/Khách hàng ngân sách nhà nước	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Căn cứ tính	Nhóm giảm phí
			PVIP	PV1	PV2	PV3		
			Private	Dimond PN1 FA.Private	Platinum PN2 EX.Diamond FA. Dimond FA.PN1	Gold PN3 EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2, FA.PN3		

Ghi chú:

1. Biểu phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, PVcomBank sẽ thu thêm 10% VAT theo quy định của pháp luật, ngoại trừ trường hợp pháp luật quy định khác.
2. Các mức phí khác với quy định trong biểu phí này hoặc chưa quy định trong biểu phí này sẽ do Tổng Giám đốc ban hành sau khi được duyệt chủ trương.
3. Biểu phí trên có thể thay đổi theo từng thời kỳ.
4. Phí dịch vụ và các phí khác đã thu theo biểu phí không hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
5. Đối với các khoản tính phí bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng VND theo tỷ giá bán ngoại tệ do PVcomBank công bố tại thời điểm thu phí
6. Khách hàng thông báo trước cho PVcomBank ½ ngày nếu rút số tiền mặt ngoại tệ trên 10.000 USD, báo trước một ngày nếu số tiền trên 50.000 USD.
7. Khi thực hiện các nghiệp vụ quy định tại biểu phí này, các chi phí phát sinh như bưu phí, điện phí và các chi phí khác do Ngân hàng khác thu sẽ được thu theo thực tế phát sinh.
8. Khi thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng, trường hợp phí của PVcomBank và/hoặc phí của Ngân hàng đại lý thực hiện dịch vụ do khách hàng nước ngoài hoặc đối tượng khác chịu nhưng PVcomBank và/hoặc các ngân hàng đại lý không thu hồi được, PVcomBank sẽ thu từ người yêu cầu thực hiện giao dịch.
9. Phí dịch vụ được thu từng lần ngay sau khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của từng loại dịch vụ đó.
10. Những loại phí dịch vụ khác không được liệt kê trong biểu phí này sẽ được PVcomBank thông báo cho Khách hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.
11. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.
12. Trường hợp khách hàng được giảm phí: Nếu mức phí sau khi giảm nhỏ hơn mức phí tối thiểu, PVcomBank sẽ thu theo phí tối thiểu.